

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/KDTM-PT

Ngày: 21-5-2020

V/v: Tranh chấp việc thực hiện nghĩa
vụ trả nợ”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Hữu Ba.

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Ngô Minh Sơn, Kiểm sát viên cao
cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí
Minh, xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số
64/2018/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ trả nợ*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S

Địa chỉ: 58/1 ấp T, xã X, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Kim T, Giám đốc Cty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp A, xã Q, huyện B, tỉnh T (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thủy Sản V

Địa chỉ: ấp E, xã C, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông BOLMUSOV E, sinh năm 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 91A-18, đường Frunze, thành phố
Khabarovsk, Liên Bang Nga.

Chỗ ở hiện tại: B2-08-02 Tòa nhà I, P.T, Q.2, Tp.HCM

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Phạm Ánh D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Phòng 702, tầng 7, tòa nhà K, số 67 N, phường U, quận G, Thành
phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Đoàn Thị Hồng T, Công ty Luật TNHH Lê Nguyễn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông BOLMUSOV E, sinh năm 1974

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Ánh D (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: LS.Đoàn Thị Hồng T (Có mặt)

Người kháng cáo: Cty TNHH thủy sản V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn Cty TNHH MTV S trình bày:

Ngày 01/12/2016, Công ty TNHH Một Thành Viên S có ký hợp đồng bán hàng hóa là thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho Công ty TNHH Thủy Sản Việt – Nga do ông BOLMUSOV E làm Tổng Giám đốc, thời gian thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/12/2016 đến ngày 15/01/2017, thời gian thanh toán hoàn tất tiền là ngày 15/01/2017.

Khi ký hết hợp đồng mua bán, phía ông BOLMUSOV E có ký giấy bảo lãnh công nợ số tiền 4.000.000.000đồng là căn hộ B2-08-02 Tòa nhà I, P.T, Q.2, Tp.HCM. Sau khi ký kết hợp đồng, phía Công ty S đã giao hàng hóa đúng theo hợp đồng đã ký kết.

Tính đến hết ngày 21/12/2016, phía Công ty S đã giao cho phía Công ty V hàng hóa có giá trị thành tiền là 6.589.437.000đồng và Công ty V có xác nhận công nợ. Khi Công ty S gửi xác nhận công nợ thì có gửi kèm bảng kê giao nhận hàng hóa bao gồm tên hàng hóa và giá cả chi tiết cho công ty V. Sau khi kiểm tra thì Công ty V ký xác nhận công nợ và chuyển về cho Công ty S.

Trước đây giữa Công ty V và Công ty S đã nhiều lần giao dịch mua bán với nhau nhưng chỉ là hợp đồng miệng. Khoảng tháng 10/2016 thì Công ty V đã nhiều lần không thanh toán cho Công ty S nên các bên mới ký kết hợp đồng với nhau. Theo quy trình giao nhận hàng thì Công ty S giao hàng, Công ty V nhận và thanh toán sau đó Công ty S mới xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Khi giao hàng thì chỉ xuất hóa đơn bán hàng thể hiện loại sản phẩm và giá sản phẩm chứ không xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Đối với các sản phẩm chưa được cấp phép lưu hành thì Công ty S đã thỏa thuận với Công ty V những sản phẩm này chỉ dùng thử không phải thanh toán. Khi nào công ty V đặt những sản phẩm dùng thử thì công ty S mới tính tiền những sản phẩm này. Công ty V cho rằng đã giao kết quả kiểm nghiệm và yêu cầu nhận lại hàng hóa thì kết quả kiểm nghiệm thì công ty S không có nhận được. Còn việc yêu cầu nhận lại hàng hóa là do sau 4-5 tháng sau khi kết thúc hợp đồng công ty S

nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty V không thanh toán và cho rằng sản phẩm không đảm bảo chất lượng mới yêu cầu kiểm nghiệm và nhận lại sản phẩm.

Nếu cho rằng sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì Công ty V sau khi nhận phải trả lại cho Công ty S ngay nhưng công ty V đã sử dụng và tới khoảng tháng 5-6/2017 mới yêu cầu nhận lại thì Công ty S không đồng ý.

Sau khi xác nhận công nợ phía Công ty V có trả cho Công ty S được 1.767.916.000đồng. Số tiền còn lại là 4.821.521.000đồng đến nay vẫn không thực hiện việc trả nợ theo giấy nợ.

Do đó, công ty S khởi kiện yêu cầu buộc Công ty V trả số tiền còn thiếu là 4.821.521.000đồng theo giấy xác nhận nợ mà phía ông BOLMUSOV E đã ký xác nhận và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 15/01/2017 đến ngày 02/01/2018 với lãi suất 1% với số tiền 554.474.000đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 5.375.995.000đồng. Nếu công ty V không trả được khoản nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh căn hộ B2-08-02 Tòa nhà I phường T, quận 2, Thành phố Hồ Chí minh của ông BOLMUSOV E để thanh toán nợ.

Theo các Văn bản và lời khai của phía bị đơn Cty TNHH thủy sản V trình bày:

Công ty V không đồng ý với yêu cầu của công ty S. Công ty S căn cứ vào các công nợ để yêu cầu bị đơn trả khoản tiền nêu trên nhưng các công nợ này lập không đúng quy định, khi lập các công nợ không có người phiên dịch cho ông EGOR biết nội dung tiếng Việt.

Việc ông EGOR ký tên là ký xác nhận là đã nhận văn bản không phải là ký xác nhận nội dung văn bản như phía nguyên đơn trình bày. Đồng thời tại bảng đối chiếu công nợ có nội dung “Quý khách vui lòng kiểm tra và ký xác nhận công nợ gửi về công ty hai bản”. Tại bảng đối chiếu công nợ không có xác nhận của ông EGOR, không có con dấu của Công ty V cũng như của Công ty S nên bảng công nợ mà công ty S cung cấp cho Tòa là không có hiệu lực.

Theo thỏa thuận của hợp đồng thì Công ty S phải cung cấp phụ lục hợp đồng là bảng chi tiết về sản phẩm và giá cả của từng loại mặt hàng cung cấp nhưng công ty S đã không cung cấp phụ lục này. Tuy nhiên, do trước đây giữa Công ty V và Công ty S đã hợp tác làm ăn với nhau nhiều lần, Công ty S đã cung cấp nhưng sản phẩm đảm bảo chất lượng nên hình thành thói quen và khi công ty S giao hàng thì Công ty V vẫn nhận mà không có bảng báo giá chi tiết trên, chỉ xem xét là loại sản phẩm gì hoàn toàn không biết chất lượng sản phẩm có đạt không.

Sau một thời gian sử dụng thì Công ty V phát hiện sản phẩm không đảm bảo chất lượng, thiếu hiệu quả nên yêu cầu Công ty S cung cấp giấy tờ và cùng kiểm tra chất lượng sản phẩm nhưng công ty S không đồng ý nhiều lần bỏ qua yêu cầu này.

Các kết quả kiểm nghiệm Công ty V đã nộp thể hiện thành phần trong sản phẩm không giống trên bao bì. Khi có kết quả kiểm nghiệm thì Công ty V đã gửi cho Công ty S và yêu cầu Công ty S đến nhận lại các sản phẩm còn lại trong kho của Công ty V nhưng Công ty S không đến nhận cũng như không có ý kiến gì. Hiện tại trong kho của công ty V còn khoảng 20 sản phẩm mà công ty S cung cấp. Theo danh sách 57 sản phẩm được lưu hành tại Việt Nam và các quyết định kèm theo mà công ty S đã cung cấp thì chỉ có một số sản phẩm đã được cấp giấy phép lưu hành còn lại các sản phẩm số 30,31,32, 34, 38, 46, 47 trong danh mục thì chưa được cấp phép lưu hành.

Trong năm 2016 thì công ty V đã chuyển cho công ty S số tiền 9.870.000.000đồng. Sau ngày 21/12/2016 thì công ty V có chuyển cho công ty S số tiền 1.767.916.000đồng ngoài ra không còn chuyển số tiền nào nữa.

Về hóa đơn giá trị gia tăng thì công ty S không cung cấp đầy đủ cho công ty V. Theo Điều 3 của hợp đồng thì “Bên A xuất hóa đơn theo đơn hàng bên B đặt và gửi theo xe hàng tới điểm nhận hàng bên B, Bảng đối chiếu công nợ được gửi định kỳ vào cuối tháng để bên B kiểm tra và xác nhận”. Công ty V đã chuyển cho công ty S số tiền 9.870.000.000đồng đến nay công ty S chỉ xuất hóa đơn giá trị gia tăng số tiền 5.684.142.000đồng, còn số tiền 4.185.858.000 đồng thì vẫn chưa xuất hóa đơn. Khi công ty S giao hàng thì công ty V vẫn nhận mà không có hóa đơn. Công ty V căn cứ trên giá các sản phẩm trước đó và số lượng hàng hóa nhận được để thanh toán cho công ty S và không biết công ty S đã giao sản phẩm mới. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì không có thể hiện V phải nhận được hóa đơn giá trị gia tăng mới thanh toán tiền cho công ty S.

Do hiện nay công ty S chưa cung cấp được đầy đủ các hóa đơn giá trị gia tăng, do đó yêu cầu của công ty S dựa trên bảng tổng công nợ có chữ ký của ông BOLMUSOV E để buộc công ty V phải thanh toán số tiền 4.821.521.000đồng và tính lãi chậm trả với số tiền 554.474.000đồng là vô căn cứ, nên phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị bác đơn kiện đòi tiền theo giấy nợ nêu trên của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T, đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đối với công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy sản V về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn Thuỷ sản V phải có nghĩa vụ hoàn trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền 5.375.995.000đồng trong đó, tiền gốc là 4.821.521.000đồng và lãi chậm trả từ ngày 15/01/2017 đến ngày 02/01/2018 số tiền 554.474.000đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đối với công ty trách nhiệm hữu hạn Thuỷ sản V về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh của ông BOLMUSOV E là căn hộ B2-08-02 toà nhà I T, phường T, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Bùi Thị Kim T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông BOLMUSOV E giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 443607 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2013.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuỷ sản V phải chịu số tiền 113.376.000đồng.

Hoàn lại cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền tạm ứng án phí là 56.688.000đồng theo Biên lai thu số 0008049 ngày 16/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/8/2018 Tòa án nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 128/QĐ-ĐCBS, về việc đình chính bổ sung Bản án sơ thẩm như sau:

Án phí KDTM sơ thẩm: Phía bị đơn chịu số tiền 113.367.000đồng; Phía nguyên đơn chịu số tiền 3.000.000đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí KDTMST theo Biên lai thu số 0008049 ngày 16/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T, như vậy hoàn trả cho Cty TNHH MTV S số tiền 53.688.000đồng.

Ngày 14/8/2018 Cty TNHH thủy sản V làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của đơn vị, đề nghị phúc xử lại bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/8/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T kháng nghị một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T về phần án phí. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận với số tiền là 3.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đòi phía bị đơn phải trả nợ theo giấy xác nhận nợ đã ký, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn cho rằng, bản án sơ thẩm không thỏa đáng, giấy xác nhận nợ trên không có giá trị thực tế khách quan và không phải là chứng cứ hợp pháp, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ cho Cty TNHH thủy sản S cho rằng, Văn bản xác nhận nợ do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của ông BOLMUSOV E không đúng về hình thức văn bản và không đúng nội dung của các khoản nợ theo các giao dịch mua bán hàng, nên không có giá trị để đòi nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Công Ty V trả tiền trên và tính lãi là không đúng qui định của pháp luật, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn cũng như không giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn và không đối chiếu xem xét đến công nợ theo hợp đồng có liên quan mà các bên đã ký kết, do đó chứng cứ là giấy nợ không có đối tượng chứng minh, vì vậy đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại theo qui định của pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của phía bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh T làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và đối tượng giải quyết:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ mà phía bị đơn đã ký tên vào giấy nhận nợ (không ghi ngày) trong đó có ghi thời hạn nợ tính đến hết ngày 21/12/2016, nên vụ án có quan hệ tranh chấp về “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ*”. Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại các Điều 351, 353, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối tượng tranh chấp là số tiền ghi trong giấy nợ 6.589.437.000đồng, phía nguyên đơn cho rằng bị đơn có trả số tiền 1.767.916.000đồng, nên chỉ đòi số tiền 4.821.521.000đồng và lãi chậm trả 1% tính từ 15/01/2017 đến 02/01/2018 số tiền 554.474.000đồng. Cộng chung là số tiền 5.375.995.000đồng.

Phía bị đơn không có yêu cầu phản tố về tranh chấp hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa là chưa chính xác, vì nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo giấy nợ và nộp án phí đối với số tiền tranh chấp theo giấy nợ chứ không tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa như đã nêu trên, do đó cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp cho phù hợp.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu của các bên đương sự:

Cty TNHH MTV S căn cứ vào bản công nợ do ông BOLMUSOV E là người đại diện hợp pháp ký tên để yêu cầu Cty TNHH thủy sản V trả số tiền nêu trên.

Xét;

Về hình thức giấy nhận nợ, không có ghi ngày tháng, không có đóng dấu của Cty TNHH thủy sản V, không có hóa đơn xuất, giao, nhận hàng, bản xác nhận công nợ không có bản dịch thuật hai ngôn ngữ tiếng Nga, tiếng Việt, trong khi đó ông BOLMUSOV E là người Nga, không biết tiếng Việt, không có phiên dịch như thông lệ theo luật định.

Về nội dung giấy nợ, không xác định được nợ gồm những khoản nào, thuộc hợp đồng nào, theo hồ sơ thể hiện giữa Cty TNHH MTV S và Cty TNHH thủy sản V có ký hợp đồng mua bán hàng hóa vào ngày 01/12/2016, thời hạn thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/12/2016 đến ngày kết thúc là 15/01/2017. Tuy nhiên, theo chứng cứ là giấy xác nhận công nợ (không đề ngày) do nguyên đơn cung cấp thì số công nợ phải trả tính đến ngày 21/12/2016, thời gian này chưa đến hạn kết thúc hợp đồng mua bán hàng hóa như đã ký kết nêu trên (vì theo hợp đồng mua bán hàng hóa kết thúc vào 15/01/2017).

Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận giấy nợ trên, mà không xem xét đến các số liệu liên quan đến nội dung công nợ, cũng như xem xét đến hình thức pháp lý của giấy nợ do nguyên đơn cung cấp là chưa có căn cứ khách quan và hợp pháp. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu về việc phát mãi 2 căn nhà thế chấp, do hợp đồng mua bán hàng hóa được kết thúc ngày 15/01/2017 chưa được thanh lý, nên yêu cầu này chưa đủ điều kiện để giải quyết trong vụ này, nếu các bên có tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thì yêu cầu này sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh T, đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí KDTM sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi phát mãi 2 căn nhà thế chấp do không được chấp nhận, nên cần buộc nguyên đơn chịu án phí đối với yêu cầu này. Xét; Yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận, nên phía nguyên đơn phải chịu án phí KDTM sơ thẩm không giá ngạch theo luật định, nên kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh T là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định đình chính, bổ sung bản án về phần này, tuy nhiên việc bổ sung trên không đúng quy định pháp luật, nên HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh T, sửa án sơ thẩm phần này.

[4] Về án phí KDTM sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phía nguyên đơn chịu án phí KDTM sơ thẩm theo luật định.

[5] Về án phí KDTM phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu theo luật định.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Cty TNHH thủy sản V, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 351, Điều 353, Điều 357 Bộ Luật dân sự 2005.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai.

Áp dụng Nghị quyết của Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, về việc đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy sản V, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 4.821.521.000đồng theo giấy nợ không đề ngày có chữ ký của ông BOLMUSOV E.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, về việc đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy sản V, chịu lãi chậm số tiền 554.474.000đồng.

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh của ông BOLMUSOV E là căn hộ B2-08-02 toà nhà I T, P.T, Q.2, Tp.HCM.

Bà Bùi Thị Kim T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông BOLMUSOV E, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 443607 do Ủy ban nhân dân Tp.HCM cấp ngày 23/12/2013.

4/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Cty TNHH MTV S chịu số tiền 116.376.000đồng, được khấu trừ số tiền 56.688.000đồng tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm, theo Biên lai thu số 0008049 ngày 16/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T, như vậy Cty TNHH MTV S còn phải nộp tiếp số tiền 59.688.000đồng án phí KDTM sơ thẩm.

5/ Về án phí KDTM phúc thẩm: Cty TNHH Thủy sản V không phải chịu, hoàn trả lại cho Cty TNHH Thủy sản V số tiền 2.000.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai 0008105 ngày 14/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

6/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

7/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.
- Tòa án nhân dân tỉnh T.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN